TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 332/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hòa H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 99/3E đường L, phường G (phường M, quận G cũ), TP. Hồ Chí Minh;

- Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 99/3E đường L, phường G (phường M, quận G cũ), TP. Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01, ngày 14/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X (nay thuộc xã X), tỉnh Đ.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/7/2025 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/7/2025, ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hòa N, sinh ngày 13/5/2003. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T tự nguyện ly hôn, về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hòa N, sinh ngày 13/5/2003. Hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01, ngày 14/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X (nay thuộc xã X), tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hòa N, sinh ngày 13/5/2003. Hiện đã trưởng thành

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Hòa H và bà Phạm Thị Thanh T phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông H và bà T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005149 ngày 23/7/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- UBND xã X, huyện X
(nay thuộc xã X), tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt